TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – GIA LAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 379/2026/QĐST-HNGĐ	*Gia Lai, ngày 24 tháng 8 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 327/2026/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2026, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh ngày 01/01/1979

CCCD số: 052179004xxx do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 23/3/2022.

Quê quán: Phường H, tỉnh Gia Lai.

Địa chỉ: Tổ dân phố C, phường H, tỉnh Gia Lai.

- *Bị đơn:* Ông Thái Thanh T, sinh ngày 01/01/1978

CCCD số: 052078013xxx do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 23/3/2022.

Quê quán: Phường H, tỉnh Gia Lai.

Địa chỉ: Tổ dân phố C, phường H, tỉnh Gia Lai.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 8 năm 2026,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 8 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị N và ông Thái Thanh T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông Thái Thanh T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là chị Thái Thị Thu T1, sinh năm 2000 và anh Thái Thanh P, sinh năm 2002 đều đã thành niên và có khả năng lao động nên bà N và ông T thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về chia tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo thỏa thuận bà Nguyễn Thị N phải chịu 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình sung vào công quỹ Nhà nước. Bà N đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án phí số: 0001069 ngày 30 tháng 7 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh G được tính trừ; còn lại hoàn trả bà N 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 8, 36 và 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 6 – Gia Lai;
- UBND phường Hoài Nhơn Tây;
(Theo Chứng nhận kết hôn số: 110 ngày 11/12/1998 của UBND phường Hoài Hảo cũ);
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Văn Vinh